TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Sơn.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cái Đại Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cái Đại Đề trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà N, sinh năm 1972; địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1993, tổ chức cưới hỏi theo phong tục, nhưng đăng ký kết hôn vào ngày 25-5-2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống một thời gian, hai người thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ

tình cảm lẫn nhau. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông bà có con chung là C sinh ngày 28-8-1993, Y sinh ngày 30-6-2000, L sinh ngày 24-01-2007.

Con chung C sinh ngày 28-8-1993, Y sinh ngày 30-6-2000 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, nguyện vọng ông Đ là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung L sinh ngày 24-01-2007. Hiện con chung L đang học lớp 10, tại thành phố Hồ Chí Minh, mọi sinh hoạt chi phí hằng ngày do ông Đ là người chu cấp. Ngày lễ, ngày nghỉ hè, ngày nghỉ các con chung của ông bà đều về thăm ông Đ tại Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về cấp dưỡng: Ông Đ không yêu cầu bà Nhớ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Đ đồng ý chịu toàn bộ theo quy định.

Bị đơn bà N trình bày:

Bản tự khai ngày 03-11-2022 và Biên bản ghi lời khai ngày 08-11-2022 tại Tòa án, bà N trình bày: Bà Nhớ hoàn toàn đồng ý với trình bày của ông Cái Đại Đề về việc bà N và ông Đ kết hôn, sống chung.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ là vợ chồng sống với nhau từ năm 1993, đến ngày 25-5-2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống một thời gian, dù hai người có mâu thuẫn, cãi vã, nhưng bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đ.

Quá trình giải quyết,Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn bà Nvắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến trình bày.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp:

- *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà N vắng mặt, nhưng Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đ cho ông Đề được ly hôn với bà N. Giao con chung L, sinh ngày 24-01-2007 cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và con chung, đối với bà N. Tại thời điểm khởi kiện, bà N có nơi cư trú tại Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông và quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, bị đơn bà N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, đã có bản tự khai và biên bản ghi lời khai tại Tòa án. Tuy nhiên, những buổi làm việc tiếp theo bà N vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh vào ngày 21-11-2022 tại Công an xã Nhân Cơ thể hiện: Bà N, sinh năm 1972, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hiện nay bà N không có mặt tại địa phương, khi đi không khai báo. Chính quyền địa phương không biết địa chỉ mới của bà N, không rõ thời điểm bà N trở về. Do đó, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định khoản 4 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung ông Đ bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà N cũng thừa nhận ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Ông Đ khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, ông bà hiện đã ly thân. Xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa các đương sự có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có con chung là C sinh ngày 28-8-1993, Y sinh ngày 30-6-2000, L sinh ngày 24-01-2007.

Con chung C và Y đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với con chung L sinh ngày 24-01-2007, đang học tại thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày nghỉ vẫn thường xuyên về sống cùng ông Đ tại Bon B, xã N Hiện nay, ông Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và mọi chi phí sinh hoạt hằng ngày của cháu L đều do ông Đ chu cấp. Bà N hiện nay cũng không có mặt tại địa phương, cũng không trực tiếp sống cùng con chung. Cháu L cũng có nguyện vọng ở với bố là ông Đ. Do đó, cần giao con chung L cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Đ tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177, Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với bà N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ được ly hôn với bà N.

2. Về con chung: Giao con chung L sinh ngày 24-01-2007 cho ông Đ tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Ông Đ không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Ông Đ phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004931 ngày 19-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương